TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 26/2023/QĐST-HNGĐ	*Mỹ Đức, ngày 23 tháng 02 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 19/2023/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn*: chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1995.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đội 18, thôn Vân, xã Hợp Thanh, huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội.

- *Bị đơn*: anh **Phạm Văn T,** sinh năm 1988.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Lạng, thôn Đông Lâu, xã Bình Nguyên, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

Căn cứ vào Điều 39, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 02 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 02 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn T thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: anh, chị có một con chung: Phạm Hoàng An, sinh ngày 28/9/2014. Hiện tại cháu An đang ở với chị H. Anh chị thỏa thuận thống nhất sau khi ly hôn anh T nhất trí tiếp tục giao cháu An cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi các đương sự có yêu cầu mới về người trực tiếp nuôi con chung và trợ cấp nuôi con chung.

Anh Phạm Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

2*.3. Về tài sản, công nợ chung vợ chồng*: anh, chị trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị H tự nguyện nộp toàn bộ 150.000đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm; số tiền còn lại 150.000đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng*) chị tự nguyện sung vào ngân sách nhà nước theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0039208 ngày 13/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức;*
- *Chi cục THADS huyện Mỹ Đức;*
- *UBND xã Bình Nguyên, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Bùi Thị Hồng

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:</u>

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tuỳ theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).